

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 25581 /CTBDU-TTHT

Bình Dương, ngày 18 tháng 9 năm 2024

V/v thuế nhà thầu đối với hợp đồng  
nhập khẩu bản quyền phần mềm kèm  
thiết bị

Kính gửi: CÔNG TY TNHH TOIN VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô B\_1C\_CN đường DE4 & NE4A, khu công nghiệp Mỹ Phước 3,  
phường Chánh Phú Hòa, thành phố Bến Cát, Bình Dương.  
MST: 3702169080

Cục Thuế nhận được văn bản số 05/2024/TV-KT ngày 30/08/2024 của CÔNG TY TNHH TOIN VIỆT NAM (gọi tắt là "Công ty") hỏi về chính sách thuế nhà thầu đối với hợp đồng nhập khẩu bản quyền phần mềm kèm thiết bị.

Qua nội dung văn bản nói trên, Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại khoản 2 Điều 42 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020) quy định nguyên tắc khai thuế, tính thuế:

"Người nộp thuế tự tính số tiền thuế phải nộp, trừ trường hợp việc tính thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ.";

- Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện, một số điều của Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin:

+ Tại khoản 1, khoản 10 Điều 3 giải thích từ ngữ:

"1. Sản phẩm phần mềm là phần mềm và tài liệu kèm theo được sản xuất và được thể hiện hay lưu trữ ở bất kỳ một dạng vật thể nào, có thể được mua bán hoặc chuyển giao cho đối tượng khác khai thác, sử dụng.

10. Dịch vụ phần mềm là hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, cài đặt, khai thác, sử dụng, nâng cấp, bảo hành, bảo trì phần mềm và các hoạt động tương tự khác liên quan đến phần mềm."

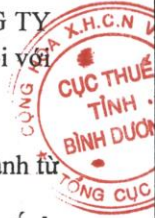
- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Điều 1 quy định đối tượng áp dụng như sau:

"Điều 1. Đối tượng áp dụng.

Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.



...

+ Tại khoản 3 Điều 7 hướng dẫn thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

*“3. Thu nhập phát sinh tại Việt Nam của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài. Thu nhập chịu thuế của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài trong một số trường hợp cụ thể như sau:*

...

*Thu nhập từ tiền bản quyền là khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm (bao gồm: các khoản tiền trả cho quyền sử dụng, chuyển giao quyền tác giả và quyền chủ sở hữu tác phẩm; chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm).*

*“Quyền tác giả, quyền chủ sở hữu tác phẩm”, “Quyền sở hữu công nghiệp”, “Chuyển giao công nghệ” quy định tại Bộ Luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.*

...

+ Tại khoản 2 Điều 12 quy định tỷ lệ (%) thuế GTGT tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động kinh doanh khác (bán hàng hóa) là 2%;

+ Tại điểm a khoản 2 Điều 13 quy định về tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
1	...cung cấp hàng hóa...	1
...		
8	Thu nhập bản quyền	10

- Căn cứ khoản 21 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn đối tượng không chịu thuế GTGT:

*“21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị.*

*Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.”*

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng với công ty ở nước ngoài (nhà thầu nước ngoài) để mua bản quyền phần mềm có kèm theo thiết bị chứa đựng phần mềm theo quy định của pháp luật được thực hiện tại Việt Nam thì thu nhập từ bản quyền phần mềm, chuyển nhượng thiết bị chứa đựng phần mềm nêu trên của nhà thầu nước ngoài thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu tại Việt Nam. Trường hợp nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện để trực tiếp kê khai thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Mục 2 Chương II Thông tư 103/2014/TT-BTC thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài trước khi trả thu nhập. Cụ thể:

- Thuế GTGT: bản quyền phần mềm theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT; thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng thiết bị chứa đựng phần mềm thuộc đối tượng chịu thuế 2% theo quy định.

- Thuế TNDN: Trường hợp hợp đồng tách riêng được giá trị bản quyền phần mềm và giá trị chuyển nhượng thiết bị chứa đựng phần mềm thì áp dụng tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với cung cấp hàng hóa (thiết bị chứa đựng phần mềm) là 1%, đối với giá trị bản quyền phần mềm là 10%.

Đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông để có căn cứ xác định cụ thể về các dịch vụ cung cấp của nhà thầu nước ngoài được nêu tại văn bản, trên cơ sở đó Công ty nghiên cứu các quy định pháp luật nêu trên, đối chiếu với tình hình thực tế để thực hiện chính sách thuế phù hợp, đúng quy định.

Công ty căn cứ hướng dẫn nêu trên, đối chiếu với tình hình hoạt động kinh doanh thực tế tại đơn vị để thực hiện đúng quy định.

Trên đây là ý kiến của Cục Thuế tỉnh Bình Dương trả lời cho Công ty biết để thực hiện. / 1/100

Nơi nhận:

- Như trên;
  - Web;
  - Lưu VP, TTTT (Khang). 
- (240909/ZV09/0001/7401/025797858)

KT, CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG  
CỤC THUẾ  
TỈNH  
BÌNH DƯƠNG  
TỔNG CỤC THUẾ  
NGUYỄN MẠNH ĐÔNG

